

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH QN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HS - ST
Ngày 14/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH QN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông D.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông: P.

+ Bà: N.

- Thư ký phiên tòa: Ông T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh QN

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng, tham gia phiên tòa:
Bà T và T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, QN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo: **T**; (Tên gọi khác: L), sinh năm 1993, tại huyện TB, tỉnh QN; nơi cư trú: Thôn B 2, xã TS, huyện TB, QN; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Co; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông L, sinh năm 1964, bà T, sinh năm 1954; vợ H, sinh năm 1993 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014 và nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Bị bắt tạm giam từ ngày 07/07/2022 đến ngày 05/8/2022 bị cáo đang tại ngoại, “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà C, trợ giúp viên pháp lý công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh QN, “có mặt”.

- Bị hại: Anh Ô, sinh năm 1986, địa chỉ: Tb, xã TS, huyện TB, tỉnh QN, “vắng mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị H, sinh năm 1993, địa chỉ: xã TS, huyện TB, tỉnh QN, “có mặt”.

+ Anh S, sinh năm 1984, địa chỉ: xã TS, huyện TB, tỉnh QN, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 10 tháng 6 năm 2022, T đi tại xã TS sau khi nhậu xong thì T đến nhà anh T là bà con của phía vợ của bị cáo T tại thôn Trung, xã TS. Bị cáo T mượn xe mô tô BKS 76P1-02877 của anh T để đi về nhà bị cáo thì anh T đồng ý, bị cáo điều khiển xe đến tại trước nhà anh Ô tại thôn B, xã TS, huyện, bị cáo đi vào nhà anh Ô để nằm nghỉ, lúc này nhà anh Ô không có ai, cửa có đóng nhưng không khóa, trước đây bị cáo T cũng thường xuyên nằm nghỉ, bị cáo T nằm khoảng 15 phút thì bị cáo ngồi dậy để đi về. Lúc ngồi dậy T nhìn thấy 01 chiếc ti vi gắn trên tường nhà anh Ô nên nảy sinh ý định trộm ti vi, sau khi bị cáo quan sát không có ai trong nhà bị cáo dùng tay tháo ti vi ra khỏi giá đỡ. Trong lúc tháo ti vi bị cáo thấy có 01 cái ví da để trong nhà thì bị cáo tiến lại chỗ để ví, bị cáo để ti vi xuống nền nhà rồi mở ví thấy trong ví có mệnh giá 500.000 đồng, sau đó bị cáo mang ti vi ra ngoài chở đi về nhà, đến ngày 11/6/2022 bị cáo Trầm chở ti vi đi bán cho anh S, sinh năm 1984, tại thôn T, xã T S, với giá là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) số tiền bán được ti vi bị cáo tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TB, ngày 03/6/2022, kết luận ti vi nhãn hiệu TLC, 32 inch, loại máy L32S6300, màu đen do T trộm cắp có giá trị là: 1.806.000 đồng (một triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKS, ngày 29/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TB truy tố bị cáo T về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên phạt bị cáo Hồ Văn Trầm từ 06 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đối với trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự gì khác, nên không đặt vấn đề xử lý.

Anh Ô đã nhận lại ti vi là tài sản bị trộm cắp và số tiền tổng cộng 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) từ bị cáo T, bị hại không có yêu cầu gì khác, nên không đặt ra vấn đề xử lý.

Ý kiến của người bào chữa: Thống nhất với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát; bị cáo T đã thừa nhận hành vi phạm tội; chưa có tiền án, tiền sự; sau khi thực hiện hành vi, đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Do đó đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều

173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 cho bị cáo T 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Bị cáo, người bị hại, người bào chữa không có tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TB, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại và các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để kết luận:

Vào tối ngày 10 tháng 6 năm 2022, T đã có hành vi trộm cắp tài sản là chiếc ti vi nhãn hiệu TLC, 32 inch, loại máy L32S6300, màu đen do T trộm cắp có giá trị là: 1.806.000 đồng (một triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng) và 01 tờ tiền pholime có mệnh giá 500.000 đồng; tổng cộng tài sản bị cáo trộm cắp là: 2.306.000 đồng (hai triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng). Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó VKSND huyện Trà Bồng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội:

Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TB, ngày 03/6/2022, kết luận ti vi nhãn hiệu TLC, 32 inch, loại máy L32S6300, màu đen do T trộm cắp có giá trị là: 1.806.000 đồng (một triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng) và có mệnh giá 500.000 đồng; tổng cộng tài sản bị cáo trộm cắp là: 2.306.000 đồng (hai triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được Nhà nước bảo vệ, làm mất trật tự trị an, an toàn địa phương, gây hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân. Vì vậy cần áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa T đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo; không biết chữ; có các con còn nhỏ; chưa có tiền án, tiền sự; nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; tự nguyện bồi thường thiệt hại; sau khi bị truy nã đã tự nguyện ra đầu thú. Do đó cần xem đây là những tình tiết giảm nhẹ và giảm nhẹ khác quy định tại các điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; không cần cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà giao về cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục vẫn đạt được mục đích giáo dục cải tạo người phạm tội và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nông nên không áp dụng đối với bị cáo.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, tại phiên tòa không yêu cầu gì thêm, nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo và đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; bị cáo được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 3; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND Xã TS, huyện TB, tỉnh QN để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo được miễn.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú, quyền được yêu cầu công bố hay không công bố bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKS nhân dân huyện, tỉnh;
- Cơ quan điều tra Công an huyện;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Phát

Nguyễn Thị Nương

Nguyễn Công Diễn